

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2025 trình Hội đồng nhân dân xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015, Luật bổ sung sửa đổi một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ chỉ tiêu giao thu, giao chi của UBND huyện và bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đảng bộ nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác năm 2025 được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn.

A. Tổng dự toán thu ngân sách xã: 8.684.616.000 đồng

(Tám tỷ sáu trăm tám mươi tư triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng)

Trong đó: - Các khoản thu trên địa bàn: 1.146.300.000 đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 7.538.316.000 đồng

B. Tổng dự toán chi ngân sách xã: 8.684.616.000 đồng

(Tám tỷ sáu trăm tám mươi tư triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng)

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển: 900.000.000 đồng

- Chi thường xuyên 7.632.065.000 đồng

- Dự phòng: 152.551.000 đồng

(Chi tiết số liệu theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tổ chức công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; Bộ phận tài chính ngân sách xã và Thủ trưởng các ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Thư*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP, TCKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Xuân Dũng



UBND xã: Sơn Bằng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Biểu số 103/CKTC-NSNN

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	8.684.616.000	TỔNG SỐ CHI	8.684.616.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	133.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	900.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.013.300.000	II. Chi thường xuyên	7.632.065.000
III. Thu bổ sung	7.538.316.000	III. Dự phòng	152.551.000
- Bổ sung cân đối	7.538.316.000	IV. Tiết kiệm 10% chi TX	
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



UBND xã: Sơn Bằng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Biểu số 104/CKTC-NSNN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện của năm 2024		Dự toán năm 2025		So sách	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN 5=3/1	Thu NSX 6=4/2
A	TỔNG THU	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	Các khoản thu 100%	11.163.152.235	10.336.035.449	9.878.316.000	8.684.616.000	88,5%	84,0%
1	Phí, lệ phí	122.867.403	122.862.000	133.000.000	133.000.000	108,2%	108,3%
2	Thu hoa lợi đất công	11.474.000	11.474.000	24.000.000	24.000.000	209,2%	209,2%
3	Thu đóng góp theo quy định	90.588.000	90.588.000	74.000.000	74.000.000		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu đóng góp tự nguyện của tổ chức cá nhân	1.500.000	1.500.000				
6	Thu khác	19.305.403	19.300.000	35.000.000	35.000.000	181,3%	181,3%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1	Các khoản thu phân chia	1.512.000.832	684.889.449	2.207.000.000	1.013.300.000	146,0%	148,0%
-	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	61.063.090	50.512.402	70.000.000	56.000.000	114,6%	110,9%
-	Thu sử dụng đất nông nghiệp	309.636	309.636				
-	Thuế môn bài	12.294.423	11.435.539				
-	Lệ phí Trượt bạ	48.459.031	38.767.227	70.000.000	56.000.000	144,5%	144,5%
2	Các khoản thu phân chia do tính quy định	1.450.937.742	634.377.047	2.137.000.000	957.300.000	147,3%	150,9%
-	Thuế chuyên quyền sử dụng đất						
-	Tiền thuế mặt đất mặt nước	82.720.376	24.816.115	9.000.000	2.700.000	10,9%	10,9%
-	Thu cấp quyền sử dụng đất	1.203.189.800	541.435.410	2.000.000.000	900.000.000	166,2%	166,2%
-	Thu ngoài Quốc doanh (Nếu có)						
-	Thuế GTGT & TNDN	159.258.313	66.971.668	128.000.000	54.600.000	80,4%	81,5%
-	Thuế Tiêu thu đặc biệt						
-	Thuế Thu nhập cá nhân						
-	Thuế Tài nguyên						
-	Thu khác ngân sách	5.769.253	1.153.854				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện của năm 2024		Dự toán năm 2025		So sách	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
IV	Thu chuyển nguồn	0	0				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.528.284.000	9.528.284.000	7.538.316.000	7.538.316.000	79,1%	79,1%
1	Thu bổ sung cân đối	5.741.348.000	5.741.348.000	7.538.316.000	7.538.316.000	131,3%	131,3%
3	Thu bổ sung có mục tiêu	3.786.936.000	3.786.936.000				



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Biểu Dự toán trình hội đồng nhân dân xã phê chuẩn)

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024			Dự toán năm 2025			So sánh		
		Tổng cộng	ĐTPT	Thường xuyên	Tổng cộng	ĐTPT	Thường xuyên	Tổng cộng	ĐTPT	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.291.862.000	450.000.000	5.841.862.000	8.684.616.000	900.000.000	7.784.616.000	138,0%	200,0%	133,3%
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	0		0	-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0	0	0	-					
3	Chi y tế	0		0	-					
4	Chi văn hóa, thông tin	97.200.000		97.200.000	130.000.000		130.000.000	133,7%		133,7%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	27.000.000		27.000.000	30.000.000		30.000.000			
6	Chi thể dục, thể thao	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000	100,0%		100,0%
7	Chi bảo vệ môi trường	63.000.000		63.000.000	70.000.000		70.000.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế	223.010.100	0	223.010.100	247.789.000		247.789.000	111,1%		111,1%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.402.257.900	450.000.000	4.952.257.900	7.677.229.000	900.000.000	6.777.229.000	142,1%		136,9%
10	Chi cho công tác xã hội	339.154.000		339.154.000	359.047.000		359.047.000	105,9%		105,9%
11	Chi khác	0		0	-					
12	Dự phòng ngân sách	122.240.000		122.240.000	152.551.000		152.551.000	124,8%		124,8%



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 **(Biểu Dự toán trình hội đồng nhân dân xã phê chuẩn)**

ĐVT: Đồng

Dự toán năm 2025										
TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2019	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2019	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		0	0	0	0	900.000.000	0	900.000.000	0
I	Công trình chuyển tiếp		0	0	0	0	0	0	0	0
II	Công trình khởi công mới		0	0	0	0	900.000.000	0	900.000.000	0
1	Nâng cấp, mở rộng, rải thảm nhựa và xây mương thoát nước đường GT tuyến cầu Mụ Bông đến tràn Phúc Đột						600.000.000		600.000.000	
2	Chi cho công tác đo đạc, lập quy hoạch đất đầu giá						70.000.000		70.000.000	
3	Chi đền bù GPMB đầu giá đất						190.000.000		190.000.000	
4	Chi đầu tư khác (Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT)						40.000.000		40.000.000	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Dự toán trình hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024			Kế hoạch năm 2025		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+)(-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+)(-)
	TỔNG SỐ	294.994.204	211.064.000	79.922.393	205.500.000	205.500.000	0
I	Hoạt động quỹ công chuyên dùng	78.778.851	32.176.000	42.595.040	29.000.000	29.000.000	0
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	39.311.862	6.640.000	32.671.862	10.000.000	10.000.000	0
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	19.811.298	18.725.000	1.086.298	10.000.000	10.000.000	0
3	Quỹ phòng chống thiên tai	15.647.880	6.811.000	8.836.880	9.000.000	9.000.000	0
4	Nhà bia Liệt sỹ	4.007.811		4.007.811	0	0	0
II	Hoạt động tài chính khác	216.215.353	178.888.000	37.327.353	176.500.000	176.500.000	0
1	Ngôi nhà trí tuệ	46.800	0	46.800	0	0	0
2	Quỹ vì người nghèo	20.153.723	0	20.153.723	0	0	0
3	Thủ lao BHYT	506.806	410.000	96.806	0	0	0
4	Bén phượng, công chào	15.895.024	0	15.895.024	0		0
5	Đền Phúc Lai	1.135.000	0	1.135.000	1.500.000	1.500.000	0
6	Chúc thọ, mừng thọ	21.800.000	21.800.000	0	25.000.000	25.000.000	0
7	Tiền điện hộ nghèo, hộ BTXH	27.378.000	27.378.000	0	30.000.000	30.000.000	0
8	Quả tết người có công	65.700.000	65.700.000	0	60.000.000	60.000.000	0
9	Quả 27/7 người có công	63.600.000	63.600.000	0	60.000.000	60.000.000	0